TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-ĐẮKLẮK** Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST Ngày 28/7/2025 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Ba.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXX-TA ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Kiều Lê Mỹ S, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn 9, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn 2, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã EP, tỉnh Đắk Lắk) (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Kiều Lê Mỹ S trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (S) và ông Nguyễn Văn L sau một thời gian tìm hiểu thì có nguyện vọng chung sống, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban

nhân dân xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2017, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và thông cảm cho nhau, ông L không lo làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 8 năm 2022 thì mâu thuẫn gay gắt nên chúng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung Nguyễn Kiều P, sinh ngày 21/6/2017 và Nguyễn Kiều Bích N, sinh ngày 07/6/2020. Sau khi ly thân thì các con chung P và N do tôi chăm sóc, nuôi dưỡng; ông L không quan tâm, chăm sóc các con chung. Ngoài ra, ông L thường xuyên đi làm xa, ít khi có mặt ở nhà. Do đó, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung P và N đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn L nhưng đương sự đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk) quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thực hiện đúng nguyển tắc xét xử, thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa đúng quy định; Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Kiều Lê Mỹ S được ly hôn với ông Nguyễn Văn L; Về con chung: giao con chung là Nguyễn Kiều P, sinh ngày 21/6/2017 và Nguyễn Kiều Bích N, sinh ngày 07/6/2020 cho bà Kiều Lê Mỹ S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: đương sự không yêu cầu nên

không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thảo luận đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Kiều Lê Mỹ S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn L được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước toà. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Kiều Lê Mỹ S và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/5/2017 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà S và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ xác định: bà Kiều Lê Mỹ S và ông Nguyễn Văn L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, ông L không lo làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích trong cuộc sống. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Kiều Lê Mỹ S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: hiện nay, bà S đang làm công nhân, thu nhập ổn định. Ngoài ra, sau khi ly thân thì con chung Nguyễn Kiều P, sinh ngày 21/6/2017 và Nguyễn Kiều Bích N, sinh ngày 07/6/2020 do bà S nuôi dưỡng, ổn định cuộc sống, trong khi ông L thường xuyên đi làm xa nhà. Xét yêu cầu của nguyên đơn bà S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung P và N phù hợp với nguyện vọng của con chung được

thể hiện trong tài liệu lưu hồ sơ vụ án, đảm bảo việc ổn định học tập và cuộc sống của con chung là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Kiều Lê Mỹ S phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001186 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân:* Tuyên xử bà Kiều Lê Mỹ S được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Kiều P, sinh ngày 21/6/2017 và Nguyễn Kiều Bích N, sinh ngày 07/6/2020 cho bà Kiều Lê Mỹ S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Kiều Lê Mỹ S phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001186 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Ba

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã EP;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Khắc Dũng Nguyễn Thị Tuyết

Hồ Thị Thu Ba